

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH TIỀN GIANG **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 325/2018/DS-PT

Ngày: 08/10/2018

V/v tranh chấp: “*Hợp đồng mua bán tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Thu Thúy**

Các Thẩm phán: Ông **Mai Hoàng Khải**

Bà **Trần Thị Kim Em**

Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Văn Giang** là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Ông **Trần Minh Hoàng** - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Ngày 08 tháng 10 năm 2018 tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 183/2018/TLPT– DS ngày 28 tháng 8 năm 2018 về việc tranh chấp “*Hợp đồng mua bán tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 49/2018/DS-ST ngày 21 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã CL, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 264/2018/QĐ-PT ngày 30 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị P** (chị Mười Vũ), sinh năm 1972; (có mặt)

Địa chỉ: ấp MT, xã HMB, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn:

2.1. Ông **Lê Thanh T**, sinh năm 1978; (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố A, phường B, thị xã CL, tỉnh Tiền Giang.

2.2. Bà **Bế Thị Ánh T**, sinh năm 1973; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp QT, xã TH, thị xã CL, tỉnh Tiền Giang.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn **Phạm Thị P**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn Phạm Thị P trình bày:***

Bà là người mua gạo bán lẻ lại, vợ chồng ông Lê Thanh T và Bế Thị Ánh T là người mua lại số lượng lớn để bán sỉ. Do hai bên cùng làm nghề mua bán gạo nên quen biết nhau. Trong tháng 11/2016 (AL) bà bán cho vợ chồng ông Lê Thanh T, bà Bế Thị Ánh T 07 lô gạo như sau:

Lô 1: Gạo lòi 100 bao, mỗi bao 50kg=5 tấn, giá mỗi ký là 14.400 đồng, thành tiền 72.000.000 đồng.

Lô 2: Gạo lòi 50 bao, mỗi bao 50kg=2,5 tấn, giá mỗi ký là 13.800 đồng, thành tiền 34.500.000 đồng.

Lô 3: Tấm của gạo lòi 45 bao, mỗi bao 50kg=2,25 tấn, giá mỗi ký là 8.500 đồng, thành tiền 19.125.000 đồng.

Lô 4: Gạo 4900, 30 bao, mỗi bao 50kg=1,5 tấn, giá mỗi ký là 9.900 đồng, thành tiền 14.850.000 đồng.

Lô 5: Gạo resmin 190 bao, mỗi bao 50kg=9,5 tấn, giá mỗi ký là 10.800 đồng, thành tiền 102.600.000 đồng.

Lô 6: Gạo resmin 90 bao, mỗi bao 50kg=4,5 tấn, giá mỗi ký là 11.000 đồng, thành tiền 49.500.000 đồng.

Lô 7: Gạo OU 10 bao, mỗi bao 50kg=0,5 tấn, giá mỗi ký là 8.100 đồng, thành tiền 4.050.000 đồng.

Ngày 24/01/2017 (DL) đối chiếu sổ bà T thống nhất tổng số tiền nợ 296.625.000 đồng và bà T có trả cho bà số tiền 60.000.000 đồng, bà T có ghi nợ lại số tiền 236.625.000 đồng.

Ngày 28/01/2017 (AL), vợ chồng bà T lấy tiếp 280 bao, gạo 4900, mỗi bao 50kg, 14 tấn, giá mỗi kg 10.600 đồng, thành tiền 148.400.000 đồng. Cộng chung hai khoản nợ là 236.625.000 đồng + 148.400.000 đồng = 385.025.000 đồng. Sau đó vợ chồng bà T có trả cho bà nhiều lần được tổng số tiền 205.025.000 đồng và bà T làm biên nhận với bà đề ngày 09/9/2017 (AL) ghi nợ lại số tiền 180.000.000 đồng, hứa trả mỗi tháng 20.000.000 đồng đến ngày 09/6/2018 sẽ trả hết số nợ trên. Tuy nhiên sau khi làm biên nhận vợ chồng bà T còn nợ lại số tiền 155.000.000 đồng và không trả nữa cho đến nay. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Bé Thị Ánh T, ông Lê Thanh T phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền còn nợ là 155.000.000 đồng và yêu cầu trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn bà Bé Thị Ánh T trình bày:*

Từ năm 2016 đến năm 2017 tôi có mua bán gạo nhiều lần với bà Phạm Thị P, hiện còn nợ bà P số tiền 155.000.000 đồng. Việc mua bán gạo là do tự bản thân tôi đứng ra mua bán với bà P chồng tôi là Lê Thanh T không có tham gia. Nay tôi đồng ý trả cho bà P số nợ 155.000.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng.

** Bị đơn ông Lê Thanh T trình bày:*

Ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị P đòi ông cùng với Bé Thị Ánh T trả cho bà P số nợ 155.000.000 đồng vì đây là nợ cá nhân của vợ ông, việc làm ăn mua bán gạo giữa T và bà P ông không biết. Hơn nữa hiện nay vợ chồng ông đã ly hôn.

Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2018/DS-ST ngày 21 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã CL, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, 440, 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị P (chị Mười Vũ).

- Buộc bà Bé Thị Ánh T trả cho bà Phạm Thị P số tiền 155.000.000 đồng (*một trăm năm mươi lăm triệu đồng*).

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị P yêu cầu ông Lê Thanh T phải liên đới cùng với bà Bé Thị Ánh T trả cho bà Phạm Thị P số tiền 155.000.000 đồng.

Kể từ ngày bà Phạm Thị P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Bé Thị Ánh T chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 04 tháng 7 năm 2018, bà Phạm Thị P có đơn kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang buộc bà Bé Thị Ánh T và ông Lê Thanh T liên đới trả cho bà P số tiền mua bán gạo là 155.000.000 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Phạm Thị P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện cũng như yêu cầu kháng cáo. Bà P yêu cầu ông T và bà T có trách nhiệm liên đới trả cho bà P số tiền mua bán gạo là 155.000.000 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng đúng pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã CL.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát.

Xét đơn kháng cáo của bà Phạm Thị P yêu cầu ông T và bà T có trách nhiệm liên đới trả cho bà P số tiền mua bán gạo là 155.000.000 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử nhận định:

Bà P khởi kiện yêu cầu ông T, bà T có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền mua bán gạo là 155.000.000 đồng, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Bà T thừa nhận có mua bán gạo với bà P, các bên thực hiện việc mua bán với nhau rất nhiều lần, thời gian mua gạo từ cuối năm 2016 đến đầu năm

2017. Hiện tại bà T cũng thừa nhận còn nợ bà P số tiền mua gạo là 155.000.000 đồng, bà T cũng đồng ý trả cho bà P số tiền nợ trên. Riêng ông T là chồng bà T thì không đồng ý trả số tiền nợ mua bán gạo cho bà P vì cho rằng chỉ mình bà T mua bán gạo chung với bà P ông không liên quan gì, hiện tại ông đã ly hôn với bà T. Xét thấy bà T và bà P có giao dịch mua bán gạo từ năm 2016, gia đình bà T có mua một chiếc xe tải, ông T là người đứng tên giấy chứng nhận quyền sở hữu chiếc xe trên, chiếc xe là phương tiện dùng để chở gạo đem đi tiêu thụ. Có một vài lần ông T cùng bà T đến giao dịch mua bán gạo với bà P. Gia đình ông T và bà T chỉ sinh sống bằng nghề kinh doanh mua bán gạo. Số tiền lãi kiếm được từ việc mua bán gạo được vợ chồng sử dụng chung cho sinh hoạt hàng ngày của gia đình. Ông T và bà T không có chứng cứ gì khác để chứng minh việc mua bán gạo của bà T số tiền kiếm được chỉ sử dụng vào mục đích cá nhân của bà T. Hơn nữa bà T và ông T đến ngày 25/5/2018 thì vợ chồng mới có Quyết định công nhận thuận tình ly hôn, số tiền nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng còn tồn tại. Căn cứ các Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 để xác định nghĩa vụ chung của vợ chồng đối với số tiền nợ của bà P. Từ các cơ sở chứng cứ nêu trên yêu cầu khởi kiện của bà P là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà P, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 49/2018/DS-ST ngày 21 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã CL.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 430, 440, 357, 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị P; Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 49/2018/DS-ST ngày 21/6/2018 của Tòa án nhân dân thị xã CL.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị P (chị Mười Vũ).

Buộc bà Bé Thị Ánh T và ông Lê Thanh T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị P số tiền 155.000.000 đồng (*một trăm năm mươi lăm triệu đồng*), thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Phạm Thị P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Bé Thị Ánh T và ông Lê Thanh T chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về án phí:

+ Bà Bé Thị Ánh T và ông Lê Thanh T phải chịu 7.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Phạm Thị P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm; Hoàn lại cho bà P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.175.000 đồng theo các biên lai thu số 0001532 ngày 11/5/2018 và số 0001642 ngày 25/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã CL.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND TX CL;
- CC THADS TX CL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thu Thúy

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

Mai Hoàng Khải – Trần Thị Kim Em

Võ Thị Thu Thúy

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Sâm Hương- Võ Thị Thu Thúy

Trần Thị Kim Em